TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 337/2019/DS-PT
Ngày: 18/4/2019
Vv: "Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Hòa

Các thẩm phán: Bà Trịnh Thị Ánh
Ông Phạm Hồng Giảng

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Lê Quỳnh Thy – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh: Ông Nguyễn Văn Hoàng – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 12, 18 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 144/2019/TLPT-DS ngày 25 tháng 01 năm 2019 về việc *"Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản"*.

Do bản án số 1062/2018/DS-ST ngày 26/11/2018 của Toà án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng nghị.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 1221/2019/TLPT-DS ngày 20 tháng 3 năm 2019, giữa:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Bạch T, sinh năm 1962

Địa chỉ: 21/3 Khu phố 2, Thị trấn H, huyện M, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Trần Văn T, sinh năm 1963. Địa chỉ: 96/4B Ấp 4, xã Xuân Thới T, huyện M, Thành phố Hồ Chí Minh. (giấy ủy quyền ngày 27/8/2018)

2. **Bị đơn:** Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1955

Địa chỉ: 88/2B Khu phố 4, Thị trấn H, huyện M, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông Nguyễn Văn G, sinh năm 1958.

Địa chỉ: 88/2B Khu phố 4, Thị trấn H, huyện M, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn Ph, sinh năm 1974

Địa chỉ: 9/2B Ấp 1, xã Xuân Thới T, huyện M, Thành phố Hồ Chí Minh (giấy ủy quyền ngày 26 tháng 12 năm 2017).

(Đại diện nguyên đơn; đại diện người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện ngày 18/12/2017, quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bạch T và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Văn T trình bày:

Ngày 17/8/2017, bà Nguyễn Thị Bạch T có cho bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Văn G vay số tiền 100.000.000 đồng, không lãi xuất, thời hạn vay là 04 tháng (từ ngày 17/8/2017 đến 18/12/2017). Các bên có lập giấy nhận nợ có chữ ký của bà T và bà L.

Khi đến thời hạn trả, bà T nhiều lần liên lạc yêu cầu trả số tiền còn nợ nhưng bà L và ông G nhiều lần hứa hẹn, kéo dài thời gian. Đến nay, bà L và ông G vẫn chưa thanh toán số tiền nợ 100.000.000 đồng. Nay bà khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Văn G trả cho bà số tiền còn nợ 100.000.000 đồng và không yêu cầu tính lãi.

Tại bản tự khai ngày 19/3/2018 bị đơn bà Nguyễn Thị L trình bày:

Vào năm 2012, bà cùng chồng là ông Nguyễn Văn G, có vay bà Nguyễn Thị Bạch T số tiền 240.000.000 đồng, với lãi xuất 10%/tháng. Đến tháng 8/2017, bà L, ông G đã trả đủ tiền nợ gốc cho bà T và còn nợ tiền lãi 100.000.000 đồng. Do bà L, ông G không còn khả năng thanh toán nên bà T buộc bà L ký giấy nhận nợ vay 100.000.000 đồng chứ thực tế bà L không có vay số tiền này. Bà L thừa nhận có ký tên vào Giấy nhận nợ lập ngày 17/8/2017 bà T cung cấp cho Tòa án. Bà L không đồng ý trả số tiền còn nợ 100.000.000 đồng cho bà T.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp , tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng bị đơn bà Nguyễn Thị L, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn G vắng mặt không có lý do.

Tại Bản án sơ thẩm số: 1062/2018/DS-ST ngày 26 tháng 11 năm 2018, của Toà án nhân dân huyện M đã căn cứ: Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 277của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào Điều 280, Điều 357, Điều 463, Điều 466 và Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015.

Căn cứ Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử :

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Bạch T về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản với bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Văn G.

2. Buộc bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Văn G có nghĩa vụ thanh cho bà Nguyễn Thị Bạch T số tiền còn nợ 100.000.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đối với khoản tiền nêu trên cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi xuất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

3. Về án phí: Án phí dân sự có giá ngạch bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Văn G phải chịu 5.000.000 đồng, nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về quyền, nghĩa vụ thi hành án của các đương sự, hoàn trả tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm. Quyền kháng cáo.

Sau khi nhận được bản án sơ thẩm các đương sự không kháng cáo.

Ngày 27/12/2018, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có quyết định số: 06/QĐKNPT-VKS-DS, kháng nghị Bản án sơ thẩm số 1062/2018/DS-ST ngày 26/11/2018 của Toà án nhân dân huyện M vì lý do: Bản án sơ thẩm tuyên buộc ông Nguyễn Văn G có nghĩa vụ cùng bà Nguyễn Thị L thanh toán cho bà Nguyễn Thị Bạch T số tiền còn nợ 100.000.000 đồng là không có cơ sở. Vì nội dung Giấy nhận nợ ngày 17/8/2017 không có chữ ký của ông Nguyễn Văn G. Không có bất kỳ tài liệu, chứng cứ nào để chứng minh bà L vay của nguyên đơn 100.000.000 đồng nhằm đáp ứng nhu cầu sinh hoạt thiết yếu của gia đình, hoặc sử dụng để phát triển kinh tế gia đình. Ông G không thừa nhận và không đồng ý trả.

Bản án sơ thẩm tuyên buộc bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Văn G phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 5.000.000 đồng, trong khi cả hai là người cao tuổi là trái với quy định tại điểm a khoản 4 Điều 210 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số : 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, gây thiệt hại cho bà L và ông G. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa Bản án sơ thẩm theo hướng trên.

Tại phiên toà phúc thẩm: Các đương sự không cung cấp tài liệu, chứng cứ mới.

Ông Trần Văn T Đại diện theo ủy quyền nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bạch T không rút đơn khởi kiện, nhưng có ý kiến chỉ yêu cầu bà Nguyễn Thị L trả cho bà T số tiền còn nợ 100.000.000 đồng, không yêu cầu ông Nguyễn Văn G có nghĩa vụ cùng bà L trả số tiền này, vì không ký giấy nợ. Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí giữ nguyên Quyết định kháng nghị.

Ông Nguyễn Văn Ph - Đại diện của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn G: Không đồng ý ông G cùng bà L có nghĩa vụ trả số tiền nợ 100.000.000 đồng cho bà T.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa trình bày Kháng nghị Ngày 27/12/2018, của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và phát biểu quan điểm:

- *Về tố tụng*: Việc chấp hành pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký; các bên đương sự đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

- *Về nội dung vụ án:* Tại phiên tòa ông Nguyễn Văn G không đồng ý có nghĩa vụ cùng bà L trả số tiền nợ 100.000.000 đồng cho bà T. Đại diện cho bà T chỉ yêu cầu mình bà L trả tiền, không yêu cầu ông G cùng trả. Bà T không chứng minh được số tiền này ông G và bà L cùng vay của bà, nhưng Bản án sơ thẩm vẫn buộc ông G có nghĩa vụ cùng bà L phải trả và buộc cả hai phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là đã có sai sót như kháng nghị đã nêu. Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự. Đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ kháng nghị, sửa Bản án sơ thẩm theo hướng kháng nghị đã phân tích viện dẫn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thời hạn kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh là còn trong hạn luật định nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm. Ý kiến đại diện của nguyên đơn tại phiên tòa không vượt quá yêu cầu khởi kiện ban đầu và hoàn toàn tự nguyện theo quy định tại Điều 5 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung kháng nghị:

Xét tại phiên tòa hôm nay, đại diện nguyên đơn chỉ yêu cầu Tòa án buộc bà Nguyễn Thị L có nghĩa vụ trả nợ số tiền 100.000.000 đồng theo Giấy nhận nợ ngày 17/8/2017, thừa nhận Giấy nhận nợ này là do bà L viết, ông G không có mặt, không ký, ngoài chứng cứ này không có chứng cứ nào khác nên không yêu cầu ông Nguyễn Văn G có nghĩa vụ cùng bà L trả số tiền 100.000.000đ cho bà T. Mặt khác, đại diện ông G cũng không đồng ý ông G phải có nghĩa vụ cùng bà L trả tiền cho bà T. Cho nên, ngoài Giấy nhận nợ ngày 17/8/2017, bà T không có chứng cứ nào khác để chứng minh ông G có cùng vay số tiền 100.000.000đ và số tiền nợ này bà L đã sử dụng cho cho việc chi tiêu, sinh hoạt hoặc phát triển kinh tế trong gia đình, vì vậy, không có cơ sở buộc ông G có nghĩa vụ cùng bà L trả số tiền 100.000.000 đồng theo giấy nhận nợ kể trên.

Xét bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1955, ông Nguyễn Văn G sinh năm 1958 đều là người cao tuổi. Đây là những trường hợp được miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tòa án cấp sơ thẩm đã không giải thích pháp luật cho bà L, bà ông G để họ làm đơn xin miễn án phí. Nhưng lại buộc chịu án phí là đã làm ảnh hưởng đến quyền lợi của người dân.

Ngoài ra, Hội đồng xét xử sơ thẩm không tuyên buộc hủy Giấy nhận nợ ngày 17/8/2017 có nội dung thể hiện số tiền 100.000.000 đồng bà Nguyễn Thị L còn thiếu bà NguyễnThị Bạch T là thiếu sót.

Từ những phân tích và nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận Kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí minh và quan điểm của Kiểm sát viên. Sửa bản án dân sự sơ thẩm.

Các phần khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 357, Điều 463, Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Áp dụng Luật Thi hành án dân sự năm 2008 được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí minh, sửa bản án dân sự sơ thẩm số 1062/2018/DS-ST ngày 26/11/2018 của Toà án Nhân dân huyện Hóc Môn.

Tuyên xử :

1. Chấp nhận Kháng nghị 06/QĐKNPT-VKS-DS Ngày 27/12/2018, của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 1062/2018/DS-ST ngày 26/11/2018 của Toà án nhân dân huyện Hóc Môn.

2. Buộc bà Nguyễn Thị L phải có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị Bạch T số tiền còn nợ là100.000.000 đồng. Trả làm một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Hủy Giấy nợ ngày 17/8/2017 có thể hiện nội dung «…Nguyễn Thì L có thiếu của bà Nguyễn Thị Bạch T số tiền 100.000.000 (một trăm triệu đồng) có chữ ký và họ tên của người cho mượn Nguyễn Thị Bạch T và người mượn Nguyễn Thị L » đang do bà T giữ bản gốc.

Kể từ ngày nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bạch T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà Nguyễn Thị L chưa thanh toán số tiền còn nợ nêu trên thì hàng tháng còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 tương ứng với thời gian và khoản tiền chưa thi hành án.

3. Về án phí

Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị L, ông Nguyễn Văn G, bà Nguyễn Thị Bạch T không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho bà T tiền tạm ứng án phí 2.500.000đ đã nộp theo biên lai số : AA/2017/0017680 ngày 09/01/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M.

4. Về quyền và nghĩa vụ thi hành án : Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự , người phải thi hành án dân sự có quyền thảo thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7.7a, 9 Luật thi hành án dân sự ; Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự 2008 được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND TP.HCM;
- TAND huyện M;
- Chi cục THADS huyện M;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Đỗ Thị Hòa